

Thái Bình, ngày 28 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHÂN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thúy

2. Bà Phạm Hồng Thiêm

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2016/TLST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2016

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa nguyên đơn là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình trình bày: Ngày 24/6/2011 UBND huyện T ban hành quyết định số 820/QĐ-UBND về việc thành lập Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường 39B trên địa bàn xã Thái Thọ huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình, đồng thời ban hành quyết định số 3512/QĐ- UBND ngày 20/12/2013; quyết định số 2624/QĐ- UBND ngày 09/6/2014 về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các hộ gia đình trên địa bàn xã Thái Thọ huyện Thái Thụy để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trong đó có hộ gia đình ông Bùi Văn B và bà Trần Thị T. Quá trình thực hiện việc bồi thường hỗ trợ hộ gia đình ông B đã kê khai có tài sản trên đất là 02 gian nhà liền kề có kích thước lần lượt là 4,2m x 5,85m và 4,32m x 5,85m và đã nhận tổng số tiền là 179.713.113 đồng (02 gian nhà giá trị bồi thường là 125.442.439 đồng; gia cố thêm móng nhà là 44.958.642 đồng; diện nước là 5.112.032 đồng; tiền hỗ trợ thuê nhà 4.200.000 đồng). Sau khi hộ ông B nhận số tiền bồi thường thì có ý kiến phản ánh tố cáo của nhân dân về việc tài sản trên đất của hộ gia đình ông B là tài sản đã nhận bồi thường theo dự án đường vào Cầu Trà lý từ năm 2002 do Ban quản lý dự án giao thông thuộc Sở giao thông vận tải tỉnh Thái Bình bồi thường.

Căn cứ vào kết luận thanh tra số 01/KL-UBND ngày 15/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T: “ kết luận hộ gia đình ông B vào năm 2002 đã nhận đủ tiền đền bù hỗ trợ đất đai và tài sản trên đất theo dự án giải phóng mặt bằng đầu cầu Trà Lý là 02 gian nhà liền kề có kích thước lần lượt là 4,2m x 5,85m và 4,32m x 5,85m nhưng không tháo dỡ trả mặt bằng cho dự án cầu Trà Lý. Đến năm 2014 đã kê khai lần 2 vẫn là 02 gian nhà liền kề có kích thước lần lượt là 4,2m x 5,85m và 4,32m x 5,85m để nhận số tiền đền bù 179.713.113 đồng là sai phạm. Vì vậy Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình yêu cầu hộ gia đình ông B bà T phải trả lại số tiền trên và không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 179.713.113 đồng.

Tại phiên tòa bà Trần Thị T được ông Bùi Văn B ủy quyền tham gia tố tụng thừa nhận: Năm 2002 gia đình ông B đã nhận tiền bồi thường hỗ trợ đất đai và tài sản trên đất đối với 02 gian nhà liền kề có kích thước lần lượt là 4,2m x 5,85m và 4,32m x 5,85m nhưng quá trình thực hiện dự án cầu Trà Lý, dự án đã trả tiền bồi thường nhưng chưa yêu cầu tháo dỡ để trả mặt bằng vì vậy gia đình vẫn để nguyên 02 gian nhà đó để ở cho đến năm 2014 thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường 39B, hộ gia đình đã kê khai lần 2 với chính tài sản là 02 gian nhà liền kề có kích thước lần lượt là 4,2m x 5,85m và 4,32m x 5,85m và đã nhận đủ số tiền 179.713.113 đồng. Hộ gia đình ông B xác định việc kê khai nhận số tiền bồi thường trên là sai và đồng ý trả lại cho Trung tâm phát triển quỹ đất số tiền 179.713.113 đồng nhưng đề nghị được tự nguyện thỏa thuận với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, về phương án trả nợ.

Xét thấy tại phiên tòa Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, và hộ gia đình ông B bà T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Khu 7, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Minh T – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đỗ Đức T – Phó giám đốc

Bị đơn: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1966

Bà Trần Thị T, sinh năm 1967

Đều có địa chỉ: Thôn Thiên , xã Thái, huyện T, tỉnh Thái Bình

Ông Bùi Văn B có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị T tham gia phiên tòa

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hộ gia đình ông B và bà T xác định tính đến ngày 28 tháng 9 năm 2017 còn nợ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình số tiền 179.713.113đồng.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 179.713.113đồng.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Thái Bình và hộ gia đình ông T bà B thỏa thuận để ông B bà T tự nguyện trả lại số tiền 179.713.113 đồng tính từ thời điểm Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, có đơn yêu cầu thi hành án theo qui định của pháp luật.

Về án phí: Hộ gia đình ông B và bà T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự là 8.985.500đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hằng

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng